

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Số: 37 /2014/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Tum, ngày 21 tháng 7 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ xây dựng một số công trình hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2014 - 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân số 31/2004/QH11 ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 về ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới (NTM); số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 về Phê duyệt Chương trình MTQG về xây dựng NTM giai đoạn 2010 - 2020; số 695/QĐ-TTg ngày 08/06/2012 về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2010-2020; số 498/QĐ-TTg ngày 21/03/2013 về bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG về xây dựng NTM giai đoạn 2010 - 2020; Thông tư liên tịch số 51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 02/12/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC.

Căn cứ Nghị quyết số 03/2014/NQ-HĐND ngày 11/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về cơ chế, chính sách hỗ trợ xây dựng một số công trình hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2014 - 2020,

Xét đề nghị Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 72/TTr-SNN ngày 17/7/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ xây dựng một số công trình kinh tế - xã hội thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2014 - 2020 (cơ chế đặc thù), với những nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi: Triển khai thực hiện trên địa bàn các xã thực hiện Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới.

2. Thời gian thực hiện: giai đoạn 2014 - 2020.

3. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng hưởng lợi thực hiện hoạt động đầu tư công trình.

4. Nội dung hỗ trợ:

Những loại công trình được áp dụng thực hiện theo cơ chế đặc thù phải đảm bảo các điều kiện: trên địa bàn thôn, có kỹ thuật đơn giản và do cộng đồng hưởng lợi tự thực hiện, thực hiện theo thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, dự toán mẫu; bao gồm:

a) Bê tông hóa giao thông nông thôn: Là các dự án, công trình giao thông đến thôn, làng và khu sản xuất (*không áp dụng đối với các dự án, công trình giao thông từ huyện đến xã, liên xã*).

b) Kiên cố hóa kênh mương nội đồng: Là những tuyến mương do xã quản lý.

c) Nhà văn hóa thôn: Nhà sinh hoạt cộng đồng của thôn.

d) Khu thể thao: Sân thể thao thôn, xã (*sân bóng đá, bóng chuyền....*).

e) Lớp học mầm non: Là các lớp học mầm non được xây ở các thôn (*điểm trường lẻ ở thôn*).

5. Đối tượng, mức hỗ trợ:

a) Đối tượng hỗ trợ: 03 đối tượng khác nhau để xác định mức hỗ trợ, gồm:

Đối tượng 1: Là những xã thuộc huyện 30a.

Đối tượng 2: Xã đặc biệt khó khăn, các thôn đặc biệt khó khăn, các thôn đồng bào dân tộc thiểu số (*ngoài huyện 30a*).

Đối tượng 3: Các xã, thôn còn lại (*ngoài đối tượng 1 và 2*).

b) Mức hỗ trợ: Có phụ lục kèm theo.

6. Nguyên tắc hỗ trợ:

a) Ưu tiên hỗ trợ cho các thôn, xã làm tốt công tác tuyên truyền, nhân dân đồng tình ủng hộ, tự nguyện hiến đất và đóng góp công sức xây dựng các công trình kinh tế - xã hội trên địa bàn theo chủ trương "*Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ*".

b) Việc hỗ trợ vốn xây dựng các công trình thực hiện theo kế hoạch hàng năm được UBND cấp huyện phê duyệt đối với từng danh mục cụ thể của từng xã.

c) Mức hỗ trợ cho mỗi loại công trình được tính bằng vật liệu hoặc bằng tiền theo suất đầu tư cho từng hạng mục công trình trên cơ sở dự toán công trình

được phê duyệt; các công trình phải phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới được phê duyệt, nằm trong kế hoạch giao vốn hàng năm.

7. Nguồn vốn hỗ trợ: Thực hiện theo khả năng ngân sách Nhà nước phân bổ hàng năm, trong đó tập trung vào các nguồn:

a) Ngân sách Trung ương phân bổ hàng năm cho Chương trình MTQG xây dựng NTM.

b) Vốn từ các Chương trình MTQG có liên quan đến việc đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn: Hàng năm phân bổ vốn tối thiểu là 30% tổng kế hoạch vốn giao để hỗ trợ đầu tư các loại công trình trên.

c) Ngân sách tỉnh, huyện, xã hỗ trợ trực tiếp cho Chương trình nông thôn mới.

d) Vốn ngân sách tỉnh phân cấp cho các huyện, thành phố để hỗ trợ đầu tư.

e) Vốn vay ưu đãi cho Chương trình kiên cố hoá kênh mương và phát triển đường giao thông nông thôn.

g) Vốn huy động từ các nguồn lực hợp pháp khác.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các Sở: Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giáo dục và Đào tạo, Giao thông Vận tải, Văn hoá - Thể thao và Du lịch; Kho bạc Nhà nước tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan xây dựng tham mưu UBND tỉnh Đề án cơ chế chính sách hỗ trợ xây dựng một số công trình kinh tế - xã hội thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2014 - 2020 để triển khai thực hiện theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giáo dục và Đào tạo, Giao thông Vận tải, Văn hoá - Thể thao và Du lịch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh, Chánh Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Hùng**

Phụ lục: MỨC HỖ TRỢ CHO TỪNG ĐỐI TƯỢNG VÀ LOẠI CÔNG TRÌNH
(Kèm theo Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 21/7/2014
của UBND tỉnh)

TT	Loại công trình	Đối tượng	Mức hỗ trợ
1	Bê tông hóa giao thông nông thôn	Đối tượng 1	Ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư 100% theo giá trị dự toán công trình được UBND xã phê duyệt tại thời điểm và 02 triệu đồng/km để chi phí cho công tác quản lý công trình. Người dân tự nguyện hiến đất, tài sản trên đất để giải phóng mặt bằng.
		Đối tượng 2	Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 100% chi phí về xi măng, sắt (trong đó bao gồm cả ống cống để xây dựng hệ thống thoát nước ngang - nếu có) và chi phí vận chuyển vật tư (xi măng, sắt, ống cống) đến địa điểm xây dựng công trình; 100% chi phí mua hoặc khai thác cát, đá, sỏi, chi phí thuê máy (trộn bê tông, san gạt mặt bằng); 70% chi phí nhân công và 02 triệu đồng/km để chi phí cho công tác quản lý công trình. Người dân tự nguyện hiến đất, tài sản trên đất để giải phóng mặt bằng và đóng góp công lao động.
		Đối tượng 3	Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 100% chi phí về xi măng, sắt (trong đó bao gồm cả ống cống để xây dựng hệ thống thoát nước ngang - nếu có) và chi phí vận chuyển vật tư (xi măng, sắt, ống cống) đến địa điểm xây dựng công trình; 70% chi phí mua hoặc khai thác cát, đá, sỏi, chi phí thuê máy (trộn bê tông, san gạt mặt bằng) và 02 triệu đồng/km để chi phí cho công tác quản lý công trình. Người dân tự nguyện hiến đất, tài sản trên đất để giải phóng mặt bằng và đóng góp công lao động.
2	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng.	Đối tượng 1	Ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư 100% theo giá trị dự toán công trình được UBND xã phê duyệt tại thời điểm và 02 triệu đồng/km để chi phí cho công tác quản lý công trình. Người dân tự nguyện hiến đất, tài sản trên đất để giải phóng mặt bằng.
		Đối tượng 2	Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 100% chi phí về xi măng, sắt (trong đó bao gồm cả ống máng sắt dẫn nước đoạn mà qua vùng trũng không xây mương được) và chi phí vận chuyển vật tư (xi măng, sắt, ống máng sắt) đến địa điểm xây dựng công trình; 100% chi phí mua hoặc khai thác cát, đá, sỏi, chi phí thuê máy trộn bê tông; 70% chi phí nhân công

TT	Loại công trình	Đối tượng	Mức hỗ trợ
			và 02 triệu đồng/km để chi phí cho công tác quản lý công trình. Người dân tự nguyện hiến đất, tài sản trên đất để giải phóng mặt bằng và đóng góp công lao động.
		Đối tượng 3	Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 100% chi phí về xi măng, sắt (<i>trong đó bao gồm cả ống máng sắt dẫn nước đoạn mà qua vùng trũng không xây mương được</i>) và chi phí vận chuyển vật tư (<i>xi măng, sắt, ống máng sắt</i>) đến địa điểm xây dựng công trình; 70% chi phí mua hoặc khai thác cát, đá, sỏi, chi phí thuê máy và 02 triệu đồng/km để chi phí cho công tác quản lý công trình. Người dân tự nguyện hiến đất, tài sản trên đất để giải phóng mặt bằng và đóng góp công lao động.
3	Nhà văn hóa thôn		
3.1	Đối với nhà rộng	Đối tượng 1 và 2	<p>- Đối với xây dựng mới: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 70 triệu đồng/nhà. Người dân tự nguyện hiến đất, tài sản trên đất để giải phóng mặt bằng và đóng góp công lao động và kinh phí để xây dựng.</p> <p>- Đối với sửa chữa, nâng cấp: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 20 triệu đồng/nhà. Người dân tự nguyện đóng góp công lao động và kinh phí để sửa chữa, nâng cấp.</p>
3.2	Đối với nhà xây	Đối tượng 3	<p>- Đối với xây dựng mới: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 50 triệu đồng/nhà. Người dân tự nguyện hiến đất, tài sản trên đất để giải phóng mặt bằng và đóng góp công lao động và kinh phí để xây dựng.</p> <p>- Đối với sửa chữa, nâng cấp: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 20 triệu đồng/nhà. Người dân tự nguyện đóng góp công lao động và kinh phí để sửa chữa, nâng cấp.</p>
4	Lớp học mầm non (<i>theo Thông tư 02/2014/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo</i>)	Các xã trên địa bàn tỉnh	Ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư 100% theo giá trị dự toán công trình được UBND xã phê duyệt tại thời điểm và 02 triệu đồng/công trình để chi phí cho công tác quản lý công trình. Người dân tự nguyện hiến đất, tài sản trên đất để giải phóng mặt bằng.

TT	Loại công trình	Đối tượng	Mức hỗ trợ
5	Khu thể thao		
5.1	Khu thể thao xã (theo Thông tư 12/2010/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch)	Các xã trên địa bàn tỉnh	Ngân sách Nhà nước hỗ trợ kinh phí san gạt mặt bằng, trụ gôn (bóng đá), hàng rào (trụ bê tông, kẽm gai) trên cơ sở dự toán công trình được UBND xã phê duyệt tại thời điểm nhưng không quá 70 triệu đồng. Người dân tự nguyện hiến đất, tài sản trên đất để giải phóng mặt bằng.
5.2	Khu thể thao thôn (theo Thông tư 06/2011/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch)	Các xã trên địa bàn tỉnh	Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí san gạt mặt bằng, trụ gôn (bóng đá), trụ căng lưới (bóng chuyền), hàng rào (trụ bê tông, kẽm gai) trên cơ sở dự toán công trình được UBND xã phê duyệt tại thời điểm nhưng không quá 30 triệu đồng. Người dân tự nguyện hiến đất, tài sản trên đất để giải phóng mặt bằng.